

Tuyên Quang, ngày tháng 02 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 16 tháng 01 đến ngày 15 tháng 02 năm 2024)

## I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

### 1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 16 - 18°C. Cao nhất: 23 - 26°C. Thấp nhất: 9 - 13°C

Độ ẩm trung bình: 80-85%. Cao nhất: 90 - 92%. Thấp nhất: 70 - 75%.

Do ảnh hưởng của không khí lạnh, đầu kỳ và giữa kỳ (từ ngày 16/01 đến ngày 05/02) xảy ra rét đậm, rét hại, thời tiết khô hanh. Cuối kỳ (từ ngày 06/02 đến ngày 15/02) trời rét đậm, xẽn kẽ các ngày có nắng nhẹ.

### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

#### a) Cây lúa

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Xuân	Mạ	Mới gieo, 2 - 3 lá - xúc cấy	313,2	
	Chính vụ	Hồi xanh - đẻ nhánh	3.700	
	Muộn	Mới cấy - hồi xanh	8.144,2	
	Tổng		11.844,2	

#### b) Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
- Cây ngô	Mới gieo - 2 - 3 lá	1.451,6
- Cây lạc	Mới gieo - 2 - 3 lá	1.238,9
- Cây rau, đậu vụ Đông	Thu hoạch	3.929,8

- Dưa chuột vụ Đông	Thu hoạch	296,5
- Cây ớt	Phát triển thân lá, ra hoa, quả - thu hoạch	350
- Cây cam	Quả chín, thu hoạch - ra lộc, nụ hoa	6.437,7
- Cây bưởi	Ra lộc, ra hoa	5.329,4
- Cây nhãn	Phân hóa mầm hoa	983,7
- Cây chuối	Ra hoa, quả xanh, thu hoạch	2.125,8
- Cây mía	Thu hoạch	2.037,1
- Cây keo	Rừng trồng (1-5 tuổi)	147.888,5
- Cây bạch đàn	Rừng trồng (1-5 tuổi)	6.932,9

## II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

### 1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên sinh vật gây hại	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến
		Phổ biến	Cao	Cục bộ	
<b>I</b>	<b>Cây lúa</b>				
<b>I.a</b>	<b>Mạ xuân (mới gieo, 2 - 3 lá - xúc cấy)</b>				
1	Rầy trắng nhỏ	rải rác			TT
2	Rầy xanh	rải rác			TT
3	Bệnh nấm mốc	rải rác	1-3		
4	Bệnh thối nhũn	rải rác			
<b>I.b</b>	<b>Lúa xuân (mới cấy - hồi xanh)</b>				
1	Ốc bươu vàng	rải rác	3-4		Non-TT
2	Bệnh nghệt rễ		1-2		
<b>II</b>	<b>Cây ngô (mới gieo - 2 - 3 lá)</b>				
1	Sâu keo mùa thu	rải rác	3-4		
2	Sâu xám	rải rác	1-2		
<b>III</b>	<b>Cây lạc (mới gieo - 2 - 3 lá)</b>				
1	Sâu xám, sâu khoang	rải rác			Tuổi 1-2
2	Bệnh lở cổ rễ	rải rác			

<b>IV</b>	<b>Cây rau (<i>thu hoạch</i>)</b>				
1	Sâu tơ	rải rác	3-5		Tuổi 3-4
2	Bọ nhảy	rải rác	2-3		TT
3	Sâu khoang	rải rác	3-4		Tuổi 1-3-5
4	Bệnh thối nhũn vi khuẩn	rải rác	3 - 5	10 - 15	C1-3
5	Rệp	rải rác	1-2		Non-TT
<b>V</b>	<b>Cây ớt (<i>phát triển thân lá, ra hoa, quả, thu hoạch</i>)</b>				
1	Bọ trĩ, rệp	rải rác	3-5		N-TT
2	Bệnh đốm lá trên cây ớt	2-3	6-7		C1-3-5
3	Bệnh thán thư	rải rác		2-4	C1-3
4	Bệnh héo xanh trên cây ớt	rải rác	1-2		C1-3
<b>VI</b>	<b>Cây cam (<i>quả chín, thu hoạch - ra lộc, nụ hoa</i>)</b>				
1	Nhóm nhện nhỏ	rải rác	1-3		C1-3
2	Rệp sáp	rải rác	2-3		Non-TT
3	Bệnh ghê sọc	rải rác	2-3		
4	Bệnh loét	2-3	4-6		C1-3
5	Bệnh vàng lá thối rữa	2-3	8-10	15-20	C3-5
<b>VII</b>	<b>Cây bưởi (<i>ra lộc, ra hoa</i>)</b>				
1	Sâu vẽ bùa	rải rác	2-3		
2	Bệnh ghê sọc	rải rác	2-3		C1-3
3	Bệnh loét	2-3	4-6		C1-3
4	Bệnh vàng lá thối rữa	rải rác	2-3	8-10	C3-5
<b>VIII</b>	<b>Cây nhãn (<i>phân hóa mầm hoa</i>)</b>				
1	Nhện lông nhung	rải rác			
2	Bệnh thán thư	rải rác	3-4		C1-2
<b>IX</b>	<b>Cây chuối (<i>ra hoa, quả xanh, thu hoạch</i>)</b>				
1	Sâu đục thân ( <i>bọ vòi vôi</i> )	rải rác			SN
2	Bệnh chùn ngọn	rải rác			C3-5
3	Bệnh đốm lá	rải rác	3-4		C3-5
<b>X</b>	<b>Cây mía (<i>thu hoạch</i>)</b>				
1	Sâu đục thân	rải rác	1-2		SN
2	Rệp bông xơ	rải rác	1-2		C1-2
<b>XI</b>	<b>Cây keo (<i>rừng trồng -1-5 tuổi</i>)</b>				
1	Bệnh chết héo	rải rác	3-4		

2	Sâu nâu ăn lá	rải rác	2-3		
3	Bệnh thán thư	rải rác	2-4		
<b>XII</b>	<b>Cây bạch đàn (rừng trồng -1-5 tuổi)</b>				
1	Bệnh đốm lá, khô cành	rải rác	2-3	7-9	

## 2. Diện tích nhiễm sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Cây lúa</b>							
1	Ốc bươu vàng	9,5	0	0	0	9,5	9,5	Huyện Yên Sơn, Chiêm Hoá, TP Tuyên Quang
<b>II</b>	<b>Cây rau</b>							
1	Bệnh thối nhũn vi khuẩn	1	0	0	0	1	1	Huyện Na Hang
<b>III</b>	<b>Cây cam</b>							
1	Bệnh vàng lá, thối rễ	216	60	70	0	346	171	Huyện Chiêm Hóa, Hàm Yên

## 3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

### 3.1. Cây lúa

#### 3.1.1. Mạ xuân (mới gieo, 2-3 lá, xúc cấy)

- Bệnh nấm mốc, thối nhũn gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao 2-3% số dảnh.

#### 3.1.2. Lúa (mới cấy - hồi xanh - đẻ nhánh)

- Bệnh nghệt rễ gây hại cục bộ, tỷ lệ hại nơi cao 1% số khóm.

- Ốc bươu vàng gây hại tại các ruộng trũng, gần kênh mương, suối, ruộng những năm trước ốc gây hại cao, mật độ nơi cao 3-4 con/m<sup>2</sup>.

#### 3.2. Ngô xuân (mới gieo - 2 - 3 lá)

- Sâu xám gây hại rải rác, nơi cao 1-2 con/m<sup>2</sup>.

- Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, nơi cao 2-3 con/m<sup>2</sup>.

#### 3.3. Cây lạc (mới gieo - 2 - 3 lá)

- Sâu xám, sâu khoang gây hại rải rác.

- Bệnh lở cổ rễ gây hại rải rác.

#### 3.4. Cây rau, đậu vụ Đông (phát triển thân lá, ra hoa, quả, thu hoạch)

- Sâu xanh ăn lá, sâu tơ gây hại rải rác, mật độ nơi cao 3-5 con/m<sup>2</sup>.

- Bọ nhảy gây hại rải rác, mật độ nơi cao 2-3 con/m<sup>2</sup>.

- Rệp gây hại rải rác, tỷ lệ nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh thối nhũn vi khuẩn gây hại rải rác, tỷ lệ nơi cao 3-5% số cây, cục bộ 10-15% số cây.

### **3.5. Cây ớt (phát triển thân lá, ra hoa, quả, thu hoạch)**

- Bọ trĩ, rệp gây hại rải rác, nơi cao 3-5% số cây.
- Bệnh đốm lá gây hại, tỷ lệ hại phổ biến 2-3%, nơi cao 6-7% số lá.
- Bệnh thán thư gây hại rải rác, tỷ lệ hại nơi cao cục bộ 2-4% số lá, quả.
- Bệnh héo xanh gây hại tỷ lệ hại nơi cao 1-2% số cây.

### **3.6. Cây cam (quả chín, thu hoạch - ra lộc, nụ hoa)**

- Bệnh loét gây hại, tỷ lệ hại phổ biến 2-3%, nơi cao 4-6%, số lá, quả, quả cấp 1-3.
- Bệnh vàng lá, thối rễ (do bệnh greening, nấm...) gây hại, tỷ lệ phổ biến 2-3% số cây, nơi cao 8-10% số cây, cục bộ 15-20 % số cây, cấp 3-5. Diện tích nhiễm 346 ha tại huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa.

### **3.7. Cây bưởi (ra lộc, ra hoa)**

- Sâu vẽ bùa gây hại rải rác, nơi cao 2-3% số lá.
- Bệnh sẹo, bệnh loét gây hại, tỷ lệ nơi cao 3-4% số lá.
- Bệnh vàng lá, thối rễ gây (do bệnh greening, nấm...) hại rải rác, tỷ lệ nơi cao 5-6% số cây, cục bộ 8-9% số cây.

### **3.8. Cây nhãn (phân hóa mầm hoa)**

- Nhện lông nhung gây hại rải rác.
- Bệnh thán thư gây hại rải rác, tỷ lệ nơi cao 3-4% số lá, cấp 1-2.

### **3.9. Cây chuối (ra hoa, quả xanh, thu hoạch)**

- Sâu đục thân (bọ vòi voi) gây hại rải rác.
- Bệnh chùn ngọn gây hại rải rác.
- Bệnh đốm lá tiếp tục gây hại, tỷ lệ nơi cao 2-4% số lá, cấp 1-3.
- Bệnh héo rũ Panama tiếp tục gây hại cục bộ, tỷ lệ nơi cao 0,5-1% số cây.

### **3.10. Cây mía (thu hoạch)**

- Sâu đục thân gây hại rải rác, tỷ lệ nơi cao 1-2% số cây.
- Rệp bông xơ gây hại rải rác, tỷ lệ nơi cao 1-3% số lá.
- Rệp sáp gây hại rải rác, tỷ lệ nơi cao 1-3% số cây.

### **3.11. Cây keo (rừng trồng 1 - 5 năm)**

- Sâu nâu ăn lá gây hại rải rác, tỷ lệ nơi cao 2-3% số lá.

- Bệnh thán thư gây hại rải rác, tỷ lệ nơi cao 2-4% số lá, cấp 1-3
- Bệnh chết héo gây hại cục bộ, tỷ lệ nơi cao 3-4% số cây.

### **3.12. Cây bạch đàn (rừng trồng 1 - 5 năm)**

Bệnh đốm lá, khô cành trên cây bạch đàn gây hại cục bộ, tỷ lệ phổ biến 2-3%, nơi cao 7-9% số cây.

## **III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THÁNG TỚI**

- 1. Cây lúa:** Ốc bươu vàng, chuột, tập đoàn rầy, ruồi, bệnh nghệt rễ, bệnh đạo ôn lá hại tăng trên lúa sạ, lúa cấy.
- 2. Cây ngô:** Sâu keo mùa thu tiếp tục gây hại.
- 3. Cây lạc:** Sâu xám, sâu khoang, bệnh lở cổ rễ tiếp tục gây hại.
- 4. Cây ớt:** Bọ trĩ, rệp, bệnh đốm lá, bệnh thán thư, bệnh héo xanh tiếp tục gây hại.
- 5. Cây cam:** Sâu vẽ bùa, bọ trĩ, giòi hại hoa, bệnh thán thư, bệnh ghẻ sẹo, bệnh loét, bệnh vàng lá, thối rễ (do bệnh geening, nấm...) tiếp tục gây hại.
- 6. Cây bưởi:** Sâu vẽ bùa, bọ trĩ, giòi hại hoa, bệnh thán thư, bệnh ghẻ sẹo, bệnh loét, bệnh vàng lá, thối rễ gây (do bệnh greening, nấm...) tiếp tục gây hại.
- 8. Cây nhãn:** Nhện lông nhung, bệnh thán thư, bệnh sương mai tiếp tục gây hại.
- 9. Cây chuối:** Sâu đục thân (bọ vòi voi), bệnh chùn ngọn, bệnh héo rũ Panama tiếp tục gây hại.
- 10. Cây chè:** Rầy xanh, bọ xít muỗi phát sinh gây hại.
- 11. Cây mía:** Sâu đục thân, rệp bông xơ, rệp sáp tiếp tục gây hại.
- 12. Cây keo:** Sâu nâu ăn lá, bệnh thán thư, bệnh phấn trắng, bệnh chết héo tiếp tục gây hại.

### **13. Cây bạch đàn (rừng trồng 1 - 5 năm)**

Bệnh đốm lá, khô cành trên cây bạch đàn gây hại cục bộ.

## **IV. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới**

Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố và Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố chỉ đạo cán bộ phụ trách địa bàn:

- Đôn đốc, hướng dẫn nhân dân gieo trồng và chăm sóc lúa, các cây trồng khác đúng kỹ thuật tạo điều kiện cho cây sinh trưởng, phát triển, chống chịu tốt với điều kiện thời tiết bất thuận.

- Bám sát cơ sở, chủ động phối hợp với cán bộ chuyên môn của các xã, phường, thị trấn thường xuyên kiểm tra đồng ruộng và trên vườn, rừng để kịp thời

phát hiện các đối tượng sâu, bệnh hại trên các loại cây trồng.

- Cần lưu ý một số đối tượng sinh vật hại cây trồng và chú trọng điều tra, hướng dẫn nhân dân biện pháp phòng, chống kịp thời. Cụ thể:

+ Ốc bươu vàng, tập đoàn rầy, ruồi, bệnh nghệt rễ, bệnh đạo ôn lá...trên lúa mới cấy.

+ Sâu xám, sâu keo mùa thu trên cây ngô.

+ Sâu khoang, bệnh lở cổ rễ trên cây lạc.

+ Bọ trĩ, rệp, bệnh đốm lá, bệnh thán thư, bệnh héo xanh trên cây ớt.

+ Sâu vẽ bùa, bọ trĩ, giòi hại hoa, bệnh thán thư, bệnh sẹo, loét, vàng lá thối rễ... trên cây cam, bưởi.

+ Bệnh đốm lá, héo rũ trên cây chuối.

+ Sâu đục thân, rệp sáp, bông xơ trên cây mía.

+ Bệnh chết héo, bệnh thán thư, phấn trắng trên cây keo.

+ Bệnh đốm lá, khô ngọn trên cây bạch đàn.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- |   |         |
|---|---------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục BVTV;</li> <li>- TT BVTV phía Bắc;</li> <li>- Cục Thống kê;</li> <li>- Sở Nông nghiệp và PTNT;</li> <li>- UBND các huyện, TP;</li> <li>- Trung tâm Khuyến nông;</li> <li>- Phòng NN và PTNT huyện;</li> <li>- Phòng Kinh tế thành phố;</li> <li>- Trung tâm Dịch vụ NN huyện, TP;</li> <li>- Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố;</li> <li>- Trang thông tin điện tử Sở;</li> <li>- Lãnh đạo Chi cục;</li> <li>- Các phòng nghiệp vụ;</li> <li>- Lưu: VT, KT (Thu).</li> </ul> | Báo cáo |
| P/h thực hiện   |         |

**Nguyễn Thành Long**

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>I Cây lúa (tổng hợp các trà, vụ trong kỳ)</b>										
1	Ốc brou vàng	9,5	0	0	0	9,5	9,5	0	9,5	Huyện Yên Sơn, Chiêm Hoá, TP Tuyên Quang
<b>II Cây cam</b>										
1	Bệnh vàng lá, thối rễ	216	60	70	0	346	1	0	171	Huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa

*Ghi chú:* TB: Trung bình; MT: Mất trắng (giảm >70% năng suất); DTN (+/-): Diện tích nhiễm tăng/giảm so kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước (CKNT)



